

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/DS-ST

Ngày: 18-3-2025.

V/v “*Tranh chấp dân sự về
hợp đồng dịch vụ (hợp đồng thuê)*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Thanh Tâm**

2. Bà **Nguyễn Thị Phụng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký viên.

Trong ngày 18/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 623/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng dịch vụ (hợp đồng thuê)*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số D, tổ A, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Hợp tác xã D xã T**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Văn H1** – Giám đốc

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông **Huỳnh Thái H2**, sinh năm 1954;

Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1964;

Ông **Nguyễn Trọng K**, sinh năm 1946;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông H, ông H2 và ông T có mặt; Ông H1, ông V và ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:* Năm 2017, Hợp tác xã D xã T do ông Huỳnh Thái H2 – Giám đốc; Ông Võ Trọng K1 – Phó Giám đốc; Ông Trần Văn T – Kiểm soát; ông Nguyễn Văn V – Thủ quỹ có thuê ông Nguyễn Thanh H trực trạm bơm nước cho hợp tác xã một năm 03 vụ với số tiền thuê 20.000.000 đồng. Bên cạnh đó, Hợp tác xã còn thuê ông H di dời máy móc, đặt máy và sửa chữa máy móc trong 03 vụ lúa với số tiền 20.570.000 đồng. Đến ngày 12/11/2017, Ban quản trị Hợp tác xã DVNN số 1 xã T gồm ông H2, ông K1, ông T và ông V có ký xác nhận nội dung “Hợp tác xã DVNN số 1 xã T còn nợ anh H tổng số tiền là 40.570.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng)”. Hiện nay, Hợp tác xã D xã T do ông Võ Văn H1 làm Giám đốc. Nhiều lần ông H làm việc với Hợp tác xã để thanh toán số tiền trên nhưng Hợp tác xã vẫn không giải quyết. Nay ông Nguyễn Thanh H yêu cầu Hợp tác xã D xã T trả cho ông H số tiền 40.570.000 đồng. Ngoài ra, ông H không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

2. *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thái H2 và ông Trần Văn T trình bày:* Ông H2, ông T thống nhất lời trình bày của ông H. Năm 2017, Hợp tác xã D xã T có thuê ông H trực trạm bơm 03 vụ với số tiền 20.000.000 đồng và di dời máy móc, đặt máy và sửa chữa máy móc trong 03 vụ lúa với số tiền 20.570.000 đồng, tổng cộng 40.570.000 đồng. Hiện nay, Hợp tác xã D xã T vẫn chưa trả cho ông H. Ngoài ra, ông H2 và ông T không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Đối với, bị đơn Hợp tác xã D xã T, đại diện theo pháp luật là ông Võ Văn H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V và ông Nguyễn Trọng K đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo kết quả phiên họp cùng các giấy triệu tập họp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:
- + Biên bản ngày 26/9/2024 (bản sao);
- + Giấy xác nhận ngày 12/11/2017 (bản photo);
- Các bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về việc yêu cầu Hợp tác xã D xã T có nghĩa vụ trả số tiền thuê còn nợ là 40.570.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng dịch vụ (hợp đồng thuê)*” theo quy định tại Điều 513 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp dân sự về hợp đồng dịch vụ (hợp đồng thuê) giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy: Đối với bị đơn Hợp tác xã D xã T đại diện theo pháp luật là ông Võ Văn H1; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V và ông Nguyễn Trọng K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa nguyên đơn xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì nguyên đơn không tranh chấp số tiền nào khác; trong vụ án này chỉ liên quan đến các đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác nữa.

[4] Về thời hiệu, xét thấy: Hợp đồng được xác lập vào năm 2017, đồng thời không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H yêu cầu Hợp tác xã D xã T có nghĩa vụ trả số tiền thuê còn nợ là 40.570.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, bởi lẽ: Tại phiên tòa, ông Huỳnh Thái H2, ông Trần Văn T thừa nhận vào năm 2017 Hợp tác xã D xã T (do ông Huỳnh Thái H2 – Giám đốc) có thuê ông Nguyễn Thanh H trực trạm bơm nước cho hợp tác xã một năm 03 vụ với số tiền thuê 20.000.000 đồng và di dời máy móc, đặt máy và sửa chữa máy móc trong 03 vụ lúa với số tiền 20.570.000 đồng. Đến ngày 12/11/2017, Ban quản trị Hợp tác xã DVNN số 1 xã T (gồm ông Huỳnh Thái H2 – Giám đốc; Ông Võ Trọng K1 – Phó Giám đốc; Ông Trần Văn T – Kiểm soát; ông Nguyễn Văn V – Thủ quỹ) có ký xác nhận nội dung “*Hợp tác xã DVNN số 1 xã T còn nợ anh H tổng số tiền là 40.570.000 đồng (Bốn chục triệu năm trăm bảy chục nghìn đồng)*” đến nay chưa trả. Mặt khác, Hợp tác xã D xã T hiện nay do ông Võ Văn H1 làm người đại diện đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án về

những yêu cầu của ông Nguyễn Thanh H nhưng Hợp tác xã D xã T không có văn bản ý kiến hay phản đối gì đối với những yêu cầu của ông H. Do đó, việc ông H yêu cầu Hợp tác xã D xã T trả số tiền 40.570.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì ông Nguyễn Thanh H không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh H về việc yêu cầu Hợp tác xã D xã T có nghĩa vụ trả số tiền 40.570.000 đồng nên Hợp tác xã D xã T phải chịu 2.028.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Thanh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.014.000 đồng theo biên lai số 0009285 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 429, 513, 515, 519 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H.
- Buộc Hợp tác xã D xã T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 40.570.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

- + Hợp tác xã D xã T phải chịu 2.028.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Thanh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.014.000đồng theo biên lai số 0009285 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA (Đào);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hữu Chính